TRUNG TÂM CÔNG BÁO VÀ TIN HỌC
ttcbth@quangngai.gov.vn
19.09.2024 14:42:05 +07:00

Ký bởi: VĂN PHÒNG ỦY BAN NHÂN DÂN
Cơ quan: ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI
Thời gian ký: 19/09/2024 14:11:31

ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 202 /BC-UBND	*Quảng Ngãi, ngày 19 tháng 9 năm 2024*

BÁO CÁO
Kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính quý III năm 2024 và định hướng nhiệm vụ 3 tháng cuối năm của tỉnh Quảng Ngãi

Kính gửi: Bộ Nội vụ

Thực hiện Thông tư số 07/2021/TT-BNV ngày 31/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chế độ báo cáo công tác ngành nội vụ và Công văn số 581/BNV-CCHC ngày 21/02/2022 của Bộ Nội vụ về việc hướng dẫn thực hiện chế độ báo cáo cải cách hành chính định kỳ, UBND tỉnh Quảng Ngãi báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ công tác cải cách hành chính (CCHC) quý III năm 2024 và định hướng nhiệm vụ CCHC trọng tâm 3 tháng cuối năm 2024 của tỉnh như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CCHC

1. Về tổ chức, chỉ đạo, điều hành CCHC

a) Tiếp tục thực hiện các quy định, hướng dẫn của Trung ương về CCHC nhà nước giai đoạn 2021 - 2030 và triển khai Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2021 - 2030, để triển khai thực hiện nhiệm vụ CCHC năm 2024 của tỉnh, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch CCHC năm 2024[1] và thường xuyên chỉ đạo, đôn đốc trong quá trình thực hiện. Trong 9 tháng đầu năm đã hoàn thành 41/55 nhiệm vụ, đạt 74,55% kế hoạch đề ra, các nhiệm vụ còn lại đang tiếp tục thực hiện.

b) Ban hành Đề án "Xác định Chỉ số cải cách hành chính của các sở, ban ngành cấp tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố và UBND các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi" giai đoạn 2023-2030[2] thay thế Quyết định số 673/QĐ-UBND ngày 17/7/2023 của UBND tỉnh để làm cơ sở triển khai thực hiện, đồng thời ban hành Kế hoạch triển khai xác định Chỉ số CCHC năm 2024 cấp sở, cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh[3].

c) Ban Chỉ đạo CCHC và nâng cao Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh đã tổ chức nhiều phiên họp của Ban Chỉ đạo nhằm phân tích, đánh giá kết quả các chỉ số PAR INDEX, SIPAS, PAPI và PCI của tỉnh năm 2023; đôn đốc, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc, chỉ đạo thực hiện tốt các nhiệm vụ CCHC của tỉnh trong năm 2024[4].

---

[1] Quyết định số 1879/QĐ-UBND ngày 15/12/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Kế hoạch CCHC tỉnh Quảng Ngãi năm 2024.

[2] Quyết định số 536/QĐ-UBND ngày 25/7/2024 của UBND tỉnh.

[3] Quyết định số 936/QĐ-UBND ngày 31/7/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh.

[4] Kết luận số 54/TB-UBND ngày 01/02/2024 kết luận của Chủ tịch UBND tỉnh tại Hội nghị công bố Chỉ số CCHC năm 2023 của các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh và họp Ban Chỉ đạo CCHC và nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh tỉnh Quảng Ngãi; Công văn số 1791/UBND-TTHC ngày 10/4/2024 về việc triển khai khắc phục, nâng

2. Về kiểm tra công tác CCHC

Nhằm tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nhiệm vụ CCHC, lấy sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp làm thước đo hiệu quả CCHC và tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, ý thức trách nhiệm, thái độ phục vụ Nhân dân của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Nội vụ xây dựng kế hoạch[5] và tổ chức thực hiện, trong năm 2024 sẽ tiến hành kiểm tra 07 sở, ban, ngành, 04 huyện, thị xã, thành phố và một số đơn vị hành chính cấp xã thuộc 04 huyện, thị xã, thành phố nêu trên. Đến nay đã thực hiện kiểm tra tại UBND 04 huyện: Lý Sơn, Sơn Hà, Trà Bồng, Nghĩa Hành và 06 đơn vị hành hành chính cấp xã thuộc các huyện này.

Ngoài ra, các sở, ban ngành, UBND cấp huyện cũng đã xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện tự kiểm tra theo thẩm quyền.

3. Về công tác thông tin, tuyên truyền CCHC

a) Công tác tuyên truyền CCHC được tỉnh quan tâm triển khai thường xuyên, đồng bộ, tập trung chuyển tải trọng tâm và quyết tâm CCHC của tỉnh; tiếp tục củng cố, tăng cường sự ủng hộ của cá nhân, tổ chức đối với công tác CCHC; thống nhất nhận thức và hành động trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, từ đó nâng cao chất lượng, hiệu quả phục vụ Nhân dân; chỉ đạo các cơ quan tiếp tục đổi mới, đa dạng hóa hình thức tuyên truyền; chỉ đạo Sở Thông tin và Truyền thông hướng dẫn triển khai thực hiện tuyên truyền CCHC, chuyển đổi số[6] bằng nhiều hình thức khác nhau.

b) Ngoài các kênh truyền thống, UBND tỉnh đã chỉ đạo tuyên truyền bằng nhiều hình thức: Sử dụng mạng xã hội hỗ trợ tuyên truyền; truyền thông qua mạng di động; thiết kế mô hình đồ họa trực tuyến; nâng cao chất lượng chuyên trang "Đồ họa trực quan - Infographic" trên Cổng thông tin điện tử tỉnh. Ngoài ra, chỉ đạo Sở Thông tin và Truyền thông tổ chức sản xuất video clip tuyên truyền về các chỉ số trên các nền tảng số năm 2024, thực hiện 73 tin, bài trên Trang thành phần Sở Thông tin và Truyền thông; 53 tin, bài trên chuyên trang và Zalo Official Account Chuyển đổi số tỉnh; xuất bản 07 số Bản tin CCHC năm 2024.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CCHC

1. Cải cách thể chế

a) Công tác xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật (QPPL):

- Công tác xây dựng, thẩm định văn bản QPPL tiếp tục được tỉnh quan tâm triển khai thực hiện thường xuyên, chú trọng nâng cao chất lượng. Từ ngày 15/6/2024 đến ngày 14/9/2024 đã thực hiện thẩm định 36 lượt dự thảo văn bản QPPL *(17 nghị quyết, 19 quyết định)* và 01 đề nghị xây dựng nghị quyết; qua đó đã ban hành 26 văn bản QPPL *(18 nghị quyết, 08 quyết định)*; thực hiện góp ý 07

---

cao Chỉ số PAPI trong năm 2024; Công văn số 2268/UBND-TTHC ngày 06/5/2024 về việc triển khai khắc phục, nâng cao Chỉ số PAR INDEX, Chỉ số SIPAS trong năm 2024 và Thông báo Kết luận số 264/TB-UBND ngày 04/6/2024.

[5] Quyết định số 90/QĐ-SNV ngày 14/3/2024 của Giám đốc Sở Nội vụ về ban hành Kế hoạch kiểm tra công tác CCHC, công tác thanh niên và quản lý văn thư, lưu trữ năm 2024.

[6] Kế hoạch số 07/KH-UBND ngày 17/01/2024 về tuyên truyền CCHC tỉnh Quảng Ngãi năm 2024; Kế hoạch số 01/KH-UBND ngày 03/01/2024 về truyền thông chuyển đổi số năm 2024.

văn bản của Trung ương *(02 đề nghị xây dựng Luật, 01 Nghị quyết của UBTVQH, 01 Nghị định, 02 Thông tư, 01 Quyết định của Thủ tướng Chính phủ)*.

- Các văn bản QPPL do HĐND, UBND tỉnh ban hành đảm bảo đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật và phù hợp với thực tiễn.

b) Kết quả tổ chức thi hành pháp luật và theo dõi, thi hành pháp luật:

UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Tư pháp ban hành văn bản bổ sung nội dung theo dõi thi hành pháp luật trong lĩnh vực trọng tâm, liên ngành năm 2024[7]; văn bản gửi danh mục văn bản QPPL trong lĩnh vực trọng tâm, liên ngành năm 2024[8]. Hoàn thành kiểm tra công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật tại UBND huyện Nghĩa Hành và Lý Sơn.

c) Kết quả thực hiện tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật (PBGDPL):

- Công tác PBGDPL được triển khai thường xuyên, hiệu quả, Hội đồng Phối hợp, PBGDPL tỉnh tổ chức 01 hội nghị cấp tỉnh triển khai 04 văn bản luật, gồm: Luật Nhà ở, Luật Kinh doanh bất động sản, Luật Các tổ chức tín dụng và Luật Lưu trữ với 200 đại biểu tham dự. Tổ chức 01 lớp tập huấn kỹ năng, nghiệp vụ PBGDPL cho báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật trên địa bàn huyện Tư Nghĩa; tổ chức 02 lớp tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật với hơn 300 đại biểu tham dự *(trong đó, 01 lớp tập huấn kỹ năng tuyên truyền, bồi dưỡng kiến thức pháp luật về phòng chống các loại tội phạm tại huyện Mộ Đức; 01 lớp tập huấn, tuyên truyền pháp luật về hôn nhân và gia đình; phòng chống bạo lực gia đình; bình đẳng giới tại huyện Sơn Tịnh)*.

- Tổ chức thực hiện kiểm tra công tác PBGDPL, hòa giải ở cơ sở và xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật tại 03 đơn vị cấp huyện và 18 đơn vị cấp xã theo Quyết định số 549/QĐ-UBND ngày 13/5/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh; qua đó đã đề xuất, kiến nghị khắc phục những tồn tại, hạn chế và hướng dẫn tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong công tác này. Hoàn thành việc kiểm tra công tác PBGDPL tại 02 cơ quan thành viên của Hội đồng Phối hợp, PBGDPL (Sở Giao thông vận tải, Sở Kế hoạch và Đầu tư).

d) Kết quả kiểm tra, rà soát và hệ thống hóa văn bản QPPL:

- Về kiểm tra văn bản QPPL: Thực hiện tự kiểm tra đối với 08 quyết định QPPL do UBND tỉnh ban hành và một số văn bản cá biệt của Chủ tịch UBND tỉnh. Thực hiện kiểm tra theo thẩm quyền đối với 10 văn bản QPPL (03 nghị quyết, 07 quyết định) do các huyện, thị xã, thành phố gửi đến sau khi ban hành; hoàn thành công tác kiểm tra văn bản QPPL tại HĐND, UBND huyện Nghĩa Hành và huyện Lý Sơn.

- Rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL:

+ Triển khai thực hiện việc rà soát các văn bản QPPL theo Nghị quyết số 93/NQ-CP ngày 18/6/2024 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm để thúc đẩy tăng trưởng, kiểm soát lạm phát và ổn định kinh tế vĩ mô. Kết quả có tổng số 286 văn bản được rà soát thuộc các lĩnh vực: Ngân sách nhà nước, tài

---

[7] Công văn số 1114/STP-XDKT&TDTHPL ngày 19/7/2024.
[8] Công văn số 1115/STP-XDKT&TDTHPL ngày 19/7/2024.

chính công, tài sản công, đấu giá, quy hoạch, quản lý, hợp tác công tư, xã hội hóa các dịch vụ công, đầu tư, môi trường, xây dựng, kinh doanh bất động sản, ngân hàng, tài chính, tự chủ tài chính, chứng khoán, trái phiếu, doanh nghiệp, giám định, định giá, y tế, thuế và các lĩnh vực khác... Trong đó có 76 Luật, nghị quyết của Quốc hội, 95 nghị định, 05 quyết định của Thủ tướng Chính phủ, 110 văn bản khác do các cơ quan trung ương ban hành. Qua rà soát phát hiện, có 65 văn bản quy định mâu thuẫn, chồng chéo, sơ hở, bất cập hoặc vướng mắc trong các luật và văn bản dưới luật có liên quan (31 luật, 19 nghị định và 15 văn bản khác do các cơ quan trung ương ban hành); trong đó, có 62 văn bản có nội dung cần sửa đổi, bổ sung và 03 văn bản cần ban hành văn bản mới thay thế *(đã thực hiện báo cáo Bộ Tư pháp về kết quả rà soát[9]).*

+ Kết quả xử lý văn bản QPPL qua rà soát, hệ thống hóa văn bản kỳ 2019 - 2023: Trong quý III/2024, HĐND, UBND tỉnh đã ban hành 16 văn bản QPPL (09 nghị quyết, 07 quyết định) để xử lý 20 văn bản (12 nghị quyết, 07 quyết định, 01 chỉ thị) bị kiến nghị qua rà soát, hệ thống hóa văn bản kỳ 2019-2023. Đến nay, tỉnh đã xử lý 32/98 văn bản bị kiến nghị, trong quý III, đã xử lý 20/86 văn bản.

2. Cải cách thủ tục hành chính (TTHC)

a) Kết quả rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa TTHC: Công tác kiểm soát TTHC, cải cách TTHC tiếp tục được UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh quan tâm, chỉ đạo kịp thời và ban hành đầy đủ các văn bản[10] để nâng cao hiệu quả hoạt động kiểm soát TTHC, cải cách TTHC; các cơ quan, đơn vị và địa phương trên địa bàn tỉnh ban hành văn bản để triển khai thực hiện hiệu quả, đồng bộ các nhiệm vụ được giao.

b) Tổng hợp, cập nhật số lượng TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết:

Trong Quý III năm 2024, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành 20 Quyết định công bố Danh mục TTHC và quy trình nội bộ giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của các sở, ban ngành, trong đó: 168 TTHC mới ban hành, 48 TTHC sửa đổi, bổ sung, 08 TTHC thay thế, 25 TTHC bãi bỏ; đồng thời, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành 19 Quyết định phê duyệt danh mục 1.331 dịch vụ công trực tuyến, trong đó có 732 dịch vụ công trực tuyến toàn trình, 599 dịch vụ công trực tuyến một phần.

c) Kết quả thực hiện nhiệm vụ số hóa TTHC:

- Chỉ đạo các sở, ban ngành và địa phương khẩn trương hoàn thành nhiệm vụ liên quan đến số hóa hồ sơ, giấy tờ trong hoạt động giải quyết TTHC[11]; kết nối, chia sẻ với các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu của các bộ, ngành để làm giàu dữ liệu; phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu được Chính phủ giao tại Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 05/01/2024 về: Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC; tỷ lệ

---

[9] Báo cáo số 166/BC-STP ngày 10/7/2024.

[10] Quyết định số 165/QĐ-UBND ngày 31/01/2024 ban hành Kế hoạch hoạt động kiểm soát TTHC năm 2024 trên địa bàn tỉnh; Kế hoạch số 23/KH-UBND ngày 31/01/2024 về rà soát, đánh giá TTHC năm 2024 trên địa bàn tỉnh, Kế hoạch số 35/KH-UBND ngày 07/02/2024 kiểm tra hoạt động kiểm soát TTHC năm 2024 và Kế hoạch số 36/KH-UBND ngày 07/02/2024 về truyền thông về hoạt động kiểm soát TTHC năm 2024 trên địa bàn tỉnh; Công văn số: 973/UBND-TTHC ngày 28/02/2024, 2370/UBND-TTHC ngày 13/5/2024, 3882/UBND-TTHC ngày 22/7/2024.

[11] Nhiệm vụ được giao tại Công văn số 5864/UBND-TTHC ngày 21/11/2023; Công văn chỉ đạo số 751/UBND-TTHC ngày 07/02/2024.

cấp kết quả giải quyết TTHC điện tử; đặc biệt có giải pháp để nâng tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa nhằm thúc đẩy chuyển đổi số và nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Kết quả đạt được: Tỷ lệ hồ sơ được số hóa thành phần hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC của sở, ngành đạt tỷ lệ bình quân khoảng 99,94%; cấp huyện đạt tỷ lệ bình quân khoảng 90%; cấp xã đạt tỷ lệ bình quân khoảng 99%. Tuy công tác số hoá, kết quả giải quyết TTHC ở các sở, ngành, địa phương thực hiện đạt tỷ lệ tương đối cao, nhưng thông tin được lưu trong kho dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân còn rất hạn chế và hồ sơ được khai thác, tái sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa phục vụ giải quyết TTTH theo nguyên tắc người dân, doanh nghiệp chỉ cung cấp thông tin một lần còn rất ít (*đạt tỷ lệ 0,03% trên bản đồ thể chế quốc gia).*

d) Về tình hình tổ chức và hoạt động của Bộ phận một cửa các cấp:

- Cấp tỉnh (Trung tâm Phục vụ - Kiểm soát TTHC tỉnh):

+ Kết quả giải quyết hồ sơ TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông của 18 sở, ngành và Văn phòng Đăng ký đất đai - Chi nhánh thành phố; phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố tại Trung tâm tiếp tục có sự chuyển biến tích cực; hồ sơ giải quyết đảm bảo về tiến độ theo quy định; hồ sơ giải quyết trước hạn, đúng hạn đạt tỷ lệ cao, tăng cao hơn so với năm 2023.

+ Thực hiện nghiêm túc thông báo tình trạng, tiến độ giải quyết hồ sơ TTHC, công khai văn bản xin lỗi, hẹn lại ngày trả kết quả đối với các hồ sơ xử lý bị trễ hẹn, nhận kết quả giải quyết trước hạn; hệ thống tổng đài của Trung tâm đã thông báo khoảng 42.200 tin nhắn SMS đến người dân, doanh nghiệp góp phần nâng cao chất lượng phục vụ, hạn chế tình trạng người dân, doanh nghiệp đi lại nhiều lần; thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết ngay tại chỗ với tổng số khoảng 15.000 hồ sơ.

- Cấp huyện, cấp xã: Qua theo dõi, thống kê trên phần mềm Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh, tình hình tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC tại Bộ phận Một cửa cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh cơ bản thực hiện tốt; tỷ lệ hồ sơ trả kết quả trước hạn và đúng hạn đạt tỷ lệ tương đối cao, tỷ lệ hồ sơ nộp trực tuyến và thanh toán trực tuyến tiếp tục tăng cao.

đ) Tình hình, kết quả giải quyết TTHC:

- Trung tâm Phục vụ - Kiểm soát thủ tục hành chính tỉnh: Tiếp nhận 48.560 hồ sơ, đã giải quyết 44.860 hồ sơ, trong đó trả kết quả trước hạn và đúng hạn 44.588 hồ sơ (tỷ lệ 99,4%), trễ hạn 272 hồ sơ; đang giải quyết 3.700 hồ sơ.

- Bộ phận Một cửa của 13/13 huyện, thị xã, thành phố: Tiếp nhận khoảng 8.500 hồ sơ; đã giải quyết 8.100 hồ sơ, trong đó hồ sơ trước hạn, đúng hạn 8.061 hồ sơ (tỷ lệ 99,5%), trễ hạn 39 hồ sơ; đang giải quyết 400 hồ sơ.

- Bộ phận Một cửa cấp xã: Tiếp nhận khoảng 74.400 hồ sơ, đã giải quyết 73.600 hồ sơ, trong đó hồ sơ trước hạn, đúng hạn khoảng 73.170 hồ sơ (tỷ lệ 99,4%), trễ hạn 430 hồ sơ; đang giải quyết 800 hồ sơ.

- Kết quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến, thanh toán trực tuyến, dịch vụ bưu chính công ích:

+ Số lượng và tỷ lệ hồ sơ tiếp nhận trực tuyến các cấp trong quý III/2024 đạt được: Cấp tỉnh đạt 77,3%, riêng lĩnh vực đất đai của hộ gia đình, cá nhân thuộc thẩm quyền giải quyết của Văn phòng Đăng ký đất đai - Chi nhánh thành phố Quảng Ngãi và Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Quảng Ngãi đạt 32% *(tỷ lệ hồ sơ trực tuyến 6 tháng đầu năm đạt bình quân 25,9%)*; cấp huyện đạt 82% và cấp xã đạt 97,20%.

+ Thanh toán trực tuyến: Theo kết quả đánh giá chỉ tiêu thanh toán trực tuyến theo Quyết định số 766/QĐ-TTg được công khai trên Cổng dịch vụ công quốc gia, tỉnh Quảng Ngãi đạt tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến 82,40%, đứng vị trí thứ 05/63 tỉnh, thành phố trong cả nước về thanh toán trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia. Toàn tỉnh đã thanh toán 21 tỷ đồng, với gần 65.000 giao dịch (Trung tâm Phục vụ - Kiểm soát thủ tục hành chính tỉnh thanh toán 14 tỷ đồng).

+ Trong quý III/2024 có 8.800 hồ sơ được nộp và trả kết quả qua đường bưu chính theo yêu cầu của tổ chức, công dân; giúp tiết kiệm chi phí, thời gian đi lại cho người dân.

e) Kết quả tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của người dân, tổ chức liên quan đến quy định TTHC: Trong Quý III/2024 đã tiếp nhận, xử lý 78 phản ánh kiến nghị về TTHC, trong đó: 09 phản ánh, kiến nghị của công dân qua đơn thư; 05 phản ánh kiến nghị qua đường dây nóng và 64 phản ánh được tiếp nhận trên Hệ thống phản ánh, kiến nghị của Chính phủ thuộc Cổng Dịch vụ công quốc gia. Các phản ánh của công dân đều đã được chuyển tới cơ quan, người có thẩm quyền để xử lý kịp thời, nhanh chóng.

g) Kết quả đánh giá mức độ hài lòng của tổ chức, cá nhân khi thực hiện TTHC tại Trung tâm: Chất lượng, thái độ phục vụ của công chức, viên chức tiếp tục nâng cao; đánh giá mức độ hài lòng của tổ chức, cá nhân khi thực hiện TTHC đạt đến 100%, với tổng số lượt đánh giá đạt khoảng 8.400 lượt.

3. Cải cách tổ chức bộ máy

a) Công tác tổ chức bộ máy: Hợp nhất Chi cục Phát triển nông thôn và Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và Thủy sản thành Chi cục Phát triển nông thôn, Quản lý chất lượng và thị trường nông sản[12]; Quy định cơ cấu tổ chức của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ngãi[13]; Quyết định bãi bỏ các quyết định hết hiệu lực đã được rà soát, hệ thống hóa ở Danh mục văn bản quy định tại khoản 5 Điều 1 Quyết định số 260/QĐ-UBND ngày 27/02/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố kết quả hệ thống hóa văn bản QPPL của HĐND tỉnh, UBND tỉnh trong kỳ hệ thống hóa 2019 - 2023; bãi bỏ Nghị quyết số 34/2008/NQ-HĐND ngày 24/4/2008 của HĐND tỉnh về việc phê chuẩn cơ cấu các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện Lý Sơn[14]. Tổ chức lại Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông Quảng Ngãi và đổi tên thành Trung tâm chuyển đổi số tỉnh Quảng Ngãi[15]; Quyết định bãi bỏ Quyết định số 1987/QĐ-UBND ngày 06/11/2018 của

---

[12] Quyết định số 515/QĐ-UBND ngày 17/7/2024 của UBND tỉnh.
[13] Quyết định số 884/QĐ-UBND ngày 22/7/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh.
[14] Nghị quyết 22/2024/NQ-HĐND ngày 24/7/2024 của HĐND tỉnh.
[15] Quyết định số 581/QĐ-UBND ngày 09/8/2024 của UBND tỉnh.

Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án vị trí việc làm của Trường Cao đẳng Y tế Đặng Thùy Trâm[16].

b) Biên chế, tinh giản biên chế:

- Về biên chế: Giao biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính[17] năm 2024 là 2.100 biên chế, số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập[18] năm 2024 là 22.816 người; số lượng người làm việc trong các hội quần chúng được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ để làm cơ sở cấp kinh phí hoạt động[19] năm 2024 là 69 người; quyết định giao bổ sung 72 biên chế sự nghiệp giáo dục năm học 2023 - 2024[20]. Ngoài ra, đã hoàn thành phê duyệt Đề án vị trí việc làm trong các cơ quan, tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập *(hành chính: 35/35 đề án; sự nghiệp 25/25 đề án)*; báo cáo Bộ Nội vụ kết quả xây dựng và phê duyệt Đề án vị trí việc làm theo hướng dẫn của các bộ ngành trung ương[21].

- Về tinh giản biên chế: Trong 08 tháng đầu năm 2024 đã thực hiện phê duyệt danh sách đối tượng tinh giản biên chế đợt 1 năm 2024 cho 20 cơ quan, đơn vị, địa phương với tổng số 169 đối tượng (hành chính: 09, sự nghiệp: 141, cấp xã: 19); thoả thuận thực hiện chế độ, chính sách theo Nghị định số 26/2015/NĐ-CP của Chính phủ cho UBND huyện Sơn Tịnh và UBND huyện Mộ Đức với tổng số 06 đối tượng; cho UBND huyện Trà Bồng và UBND thị xã Đức Phổ với tổng số 03 đối tượng.

c) Về thực hiện các quy định về phân cấp quản lý nhà nước giữa các cấp chính quyền: Trên cơ sở các quy định của Chính phủ và các bộ, ngành; các sở, ban, ngành, địa phương ban hành đã kịp thời tham mưu, ban hành quy định về phân cấp quản lý nhà nước trên các lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý[22].

4. Cải cách chế độ công vụ

a) Về công tác cán bộ, công chức:

- UBND tỉnh đã tham mưu Ban cán sự đảng UBND tỉnh, Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy các nội dung về công tác quản lý cán bộ, công chức, viên chức trước khi Chủ tịch UBND tỉnh quyết định công tác cán bộ theo quy định, kết quả: Điều động, luân chuyển, tiếp nhận đối với 03 trường hợp[23]; bổ

---

[16] Quyết định số 951/QĐ-UBND ngày 01/8/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh.
[17] Quyết định số 1411/QĐ-UBND ngày 21/12/2023 của UBND tỉnh.
[18] Quyết định số 1410/QĐ-UBND ngày 21/12/2023 của UBND tỉnh.
[19] Quyết định số 1409/QĐ-UBND ngày 21/12/2023 của UBND tỉnh.
[20] Quyết định số 155/QĐ-UBND ngày 05/02/2024 của UBND tỉnh.
[21] Báo cáo số 67/BC-SNV ngày 29/3/2024 của Sở Nội vụ.
[22] Nghị quyết số 28/2022/NQ-HĐND ngày 06/12/2022 ban hành Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương áp dụng từ năm 2023 và các năm tiếp theo trong thời kỳ ổn định ngân sách mới; Quyết định số 35/2022/QĐ-UBND ngày 11/10/2022 ban hành Quy định phân cấp, quản lý tổ chức bộ máy, vị trí việc làm, biên chế công chức và số lượng người làm việc trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc tỉnh Quảng Ngãi; Quyết định số 62/2017/QĐ-UBND ngày 15/9/2017 ban hành Quy định phân cấp quản lý cán bộ, công chức, viên chức; cán bộ, công chức cấp xã và người quản lý doanh nghiệp tỉnh Quảng Ngãi; Đề xuất phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước (Công văn số 3823/UBND-NC ngày 02/8/2022 của UBND tỉnh Quảng Ngãi); đôn đốc các cơ quan, địa phương thực hiện thanh tra, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước đã được phân cấp, ủy quyền (Công văn số 1402/SNV-TCBC ngày 29/8/2022 của Sở Nội vụ); Quyết định số 02/2022/QĐ-UBND ngày 25/7/2022 của UBND huyện Bình Sơn về phân cấp một số nhiệm vụ quản lý nhà nước ngành, lĩnh vực Nội vụ của huyện; Quyết định về ủy quyền quản lý nhà nước lĩnh vực đất đai, văn hóa: Số 1328/QĐ-UBND ngày 31/12/2021, số 24/QĐ-UBND ngày 11/01/2022.
[23] Điều động, luân chuyển, tiếp nhận: (1) điều động Huyện uỷ viên, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân huyện Minh Long về công tác tại Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh; (2) điều động Phó Bí thư Huyện uỷ, Chủ tịch

nhiệm đối với 03 trường hợp[24]; bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ đối với 03 trường hợp[25]; giao phụ trách, điều hành 01 trường hợp[26] và tham mưu văn bản tham vấn ý kiến Bộ Nội vụ về giao phụ trách, điều hành UBND tỉnh; thôi giữ chức vụ đối với 01 trường hợp[27]; nghỉ hưu, thôi việc theo nguyện vọng đối với 03 trường hợp[28]; cử công chức tham gia làm đại diện phần vốn Nhà nước tại Công ty cổ phần Sơn Mỹ.

- Ban hành Đề án, kế hoạch xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ hạng IV lên hạng III năm 2024[29]; quyết định chuyển ngạch, nâng lương[30] và thực hiện thoả thuận nâng lương theo phân cấp[31].

Ngoài ra, chỉ đạo Sở Nội vụ thực hiện tốt theo quy định công tác tuyển dụng, nâng ngạch cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, kết quả: Quyết định tiếp nhận 28 trường hợp vào làm viên chức tại các đơn vị sự nghiệp công lập; tiếp nhận vào làm công chức lãnh đạo, quản lý: 07 công chức; tiếp nhận vào làm viên chức lãnh đạo, quản lý: 01 viên chức; tiếp nhận vào làm công chức: 28 công chức; thuyên chuyển nội bộ: 18 công chức và 113 viên chức; chuyển ra ngoài: 06 công chức và 22 viên chức; tiếp nhận: 04 công chức và 23 viên chức.

b) Công tác đào tạo, bồi dưỡng:

- Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và cán bộ, công chức xã tỉnh Quảng Ngãi và Kế hoạch bồi dưỡng cán bộ, công chức xã năm 2024 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ[32] để làm cơ sở triển khai thực hiện trong năm 2024.

- Chủ tịch UBND tỉnh Quyết định cử đi đào tạo tiến sĩ nước ngoài 01 viên chức, đi bồi dưỡng nước ngoài 02 viên chức; chỉ đạo Sở Nội vụ triển khai thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2024, kết quả: cử 36 viên chức đi đào tạo trình độ sau đại học (01 Tiến sĩ, 03 Thạc sĩ, 20 Chuyên khoa cấp I, 12 Chuyên khoa cấp II). Phối hợp với các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng mở 31 lớp bồi dưỡng theo Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng của tỉnh năm 2024 cho gần 2.358 học viên.

UBND huyện Sơn Tịnh về công tác tại Ban Tổ chức Tỉnh ủy; (3) tiếp nhận và bổ nhiệm Phó Bí thư Thường trực Tỉnh đoàn Quảng Ngãi giữ chức vụ Phó Trưởng Ban Dân tộc tỉnh.

[24] Bổ nhiệm: (1) Trưởng phòng Kinh tế đối ngoại giữ chức vụ Phó Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư; (2) Chi cục trưởng Chi cục Phát triển nông thôn giữ chức vụ Chi cục trưởng Chi cục Phát triển nông thôn, Quản lý chất lượng và thị trường nông sản; (3) Trưởng phòng Kinh tế - Tổng hợp, Văn phòng UBND tỉnh giữ chức vụ Phó Chánh Văn phòng UBND tỉnh.

[25] Bổ nhiệm lại: (1) Phó Giám đốc Sở Nội vụ (2) 02 Phó Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Việt Nam - Hàn Quốc - Quảng Ngãi.

[26] Uỷ viên Ban Thường vụ Huyện uỷ, Phó Chủ tịch Thường trực Uỷ ban nhân dân huyện Ba Tơ phụ trách, điều hành Uỷ ban nhân dân huyện Ba Tơ.

[27] Thôi giữ chức vụ: Chi cục trưởng Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm.

[28] Nghỉ hưu, thôi việc theo nguyện vọng: (1) Phó Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư; (2) Phó Giám đốc Sở Tư pháp; (3) Phó Chủ tịch UBND huyện Tư Nghĩa.

[29] Quyết định số 977/QĐ-UBND ngày 02/8/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh.

[30] Quyết định miễn nhiệm ngạch Thanh tra viên cho 06 công chức, miễn nhiệm ngạch Thanh tra viên chính cho 02 công chức, bổ nhiệm ngạch Thanh tra viên cho 21 công chức; quyết định nâng bậc lương thường xuyên cho 20 cán bộ; quyết định nâng bậc lương trước thời hạn khi nghỉ hưu cho 03 công chức; quyết định nâng bậc lương trước thời hạn cho 02 công chức; quyết định nâng mức thâm niên vượt khung cho 06 công chức; hưởng mức thâm niên vượt khung cho 02 cán bộ; nâng mức phụ cấp thâm niên nghề cho 02 công chức, nâng mức phụ cấp thâm niên nhà giáo cho 01 viên chức.

[31] Theo thẩm quyền thỏa thuận nâng lương trước thời hạn khi có thông báo nghỉ hưu cho 26 trường hợp; thỏa thuận chuyển ngạch, chức danh nghề nghiệp cho 217 công chức, viên chức; thỏa thuận chuyển ngạch, chức danh nghề nghiệp cho 605 giáo viên; Quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp hạng II cho 73 giáo viên.

[32] Quyết định số 02/QĐ-UBND ngày 02/01/2024 và Quyết định số 01/QĐ-UBND ngày 02/01/2024.

5. Cải cách tài chính công

a) Kết quả thực hiện kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công: Tổng kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024 của tỉnh Quảng Ngãi được Thủ tướng Chính phủ, HĐND tỉnh giao 6.902.869 triệu đồng[33]. Ước giải ngân đến 30/9/2024 là 2.175.832 triệu đồng, đạt 31,50% so với kế hoạch vốn Thủ tướng Chính phủ và HĐND tỉnh giao.

b) Tiếp tục chỉ đạo các cơ quan liên quan tăng cường các biện pháp thu ngân sách nhà nước năm 2024 và chi ngân sách địa phương; tiếp tục triển khai thực hiện Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

c) Thực hiện cổ phần hóa đơn vị sự nghiệp công lập khi đủ điều kiện: Chỉ đạo Sở Tài chính (cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo chuyển đổi Trung tâm Đào tạo và Sát hạch lái xe thành công ty cổ phần) phối hợp với các đơn vị liên quan triển khai các bước công việc để thực hiện chuyển đổi Trung tâm Đào tạo và Sát hạch lái xe thành công ty cổ phần theo Kế hoạch số 82/KH-UBND ngày 07/4/2023 của UBND tỉnh, cụ thể: Ban hành quyết định tổ chức thực hiện chuyển đổi đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần; thành lập Ban Chỉ đạo và Tổ giúp việc; phê duyệt dự toán chi phí chuyển đổi. Ban Chỉ đạo đã chỉ đạo Tổ giúp việc và Trung tâm Đào tạo và Sát hạch lái xe tỉnh Quảng Ngãi (đơn vị sự nghiệp công lập) phối hợp với các đơn vị liên quan triển khai các bước công việc để thực hiện chuyển đổi Trung tâm Đào tạo và Sát hạch lái xe thành công ty cổ phần theo Kế hoạch (hiện nay đang thực hiện bước công việc xác định giá trị đơn vị sự nghiệp công lập để công bố giá trị đơn vị sự nghiệp công lập để chuyển thành công ty cổ phần).

6. Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

a) Để triển khai thực hiện nhiệm vụ CCHC trên lĩnh vực phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch chuyển đổi số tỉnh Quảng Ngãi năm 2024 và kiện toàn Ban chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh Quảng Ngãi[34]; Kế hoạch số 152/KH-UBND ngày 16/7/2024 về việc tổ chức Tuần lễ Chuyển đổi số tỉnh Quảng Ngãi năm 2024; Kế hoạch số 153/KH-UBND ngày 16/7/2024 về việc triển khai Đề án xác định Chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số của doanh nghiệp và hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số; Kế hoạch số 183/KH-UBND ngày 11/9/2024 truyền thông nâng cao hiệu quả sử dụng ứng dụng trên nền tảng di động phục vụ hoạt động của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và ứng dụng trên nền tảng di động phục vụ hoạt động của tổ chức và công dân tỉnh Quảng Ngãi; tổ chức Hội nghị sơ kết 6 tháng đầu năm 2024 về chuyển đổi số quốc gia và Đề án 06 vào ngày 10/7/2024.

b) Chỉ đạo Sở Thông tin và Truyền thông phối hợp tổ chức đăng tải, cập nhật thường xuyên TTHC lên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh theo các Quyết định của UBND tỉnh; thực hiện kết nối hệ thống liên thông Bộ Công an và Lý lịch tư pháp, Hộ tịch; triển khai kết nối để thực hiện chứng thực bằng VneID; rà soát, kiểm tra lại các lỗi trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh (Igate 2.0) và Hệ thống thông tin đất

---

[33] Quyết định số 444/QĐ-UBND ngày 14/6//2024 của UBND tỉnh giao bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024 nguồn vốn ngân sách trung ương từ nguồn tăng thu ngân sách trung ương năm 2022.

[34] Kế hoạch số 219/KH-UBND ngày 20/12/2023 về chuyển đổi số tỉnh Quảng Ngãi năm 2024 và Quyết định số 479/QĐ-UBND ngày 17/4/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc kiện toàn Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số tỉnh Quảng Ngãi.

đai VBDLIS để đảm bảo việc chuyển liên thông hồ sơ điện tử giữa Chi nhánh cấp huyện với UBND cấp xã, các cơ quan liên quan; phối hợp với các đơn vị liên quan hoàn thành kết nối, chia sẻ dữ liệu với Hệ thống thông tin Quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh theo hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Tiếp tục hoàn thiện hệ thống theo Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ, tham mưu việc thực hiện thí điểm phần mềm của VNPT[35]; rà soát tài khoản sử dụng Hệ thống và nhu cầu khai thác thông tin trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; triển khai kết nối hệ thống giám sát, đo lường mức độ cung cấp và sử dụng dịch vụ Chính phủ số (hệ thống EMC) đối với Cổng, trang thông tin điện tử của các cơ nhà nước tỉnh. Vận hành thí điểm Hệ thống thông tin phục vụ hoạt động chuyên ngành các cơ quan nhà nước cấp huyện. Triển khai, phối hợp với các cơ quan, đơn vị tiến hành chuẩn hóa mẫu biểu dữ liệu trên Nền tảng tổng hợp, phân tích dữ liệu tập trung tỉnh[36].

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Công tác CCHC tiếp tục được Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh quan tâm chỉ đạo thực hiện, ban hành đầy đủ các văn bản để làm cơ sở triển khai thực hiện nhiệm vụ CCHC theo Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2021 - 2030 của Chính phủ tại Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 và định kỳ họp Ban Chỉ đạo CCHC và nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh để kịp thời đôn đốc, chỉ đạo tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện và bước đầu đã đạt được những kết quả quan trọng trên các lĩnh vực, góp phần cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh và hỗ trợ, phát triển doanh nghiệp và góp phần phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Quảng Ngãi.

2. Công tác cải cách TTHC tiếp tục được UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh quan tâm chỉ đạo kịp thời; các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh cũng đã triển khai thực hiện có hiệu quả, đồng bộ các nhiệm vụ được giao; việc tuyên truyền, vận động và hỗ trợ người dân thực hiện nộp hồ sơ trực tuyến, thanh toán trực tuyến tiếp tục được đẩy mạnh, qua đó góp phần nâng cao tỷ lệ hồ sơ phát sinh dịch vụ công trực tuyến và thanh toán trực tuyến.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CCHC TRỌNG TÂM 3 THÁNG CUỐI NĂM 2024

1. Tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2021 - 2030, Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 18/10/2021 của Tỉnh ủy khóa XX về đẩy mạnh CCHC, nâng cao thứ hạng các chỉ số CCHC, hiệu quả quản trị và hành chính công, năng lực cạnh tranh cấp tỉnh; Nghị quyết số 93/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của HĐND tỉnh về đẩy mạnh CCHC; nâng cao thứ hạng các chỉ số CCHC, hiệu quả quản trị và hành chính công, năng lực cạnh tranh cấp tỉnh giai đoạn 2021 - 2025.

---

[35] Tháng 9/2024, tỉnh Quảng Ngãi xếp vị trí thứ 27/63 tỉnh, thành phố trong cả nước, đạt 79,28 điểm, tăng 9,53 điểm, thuộc nhóm có điểm Khá.

[36] Các Sở: Nội vụ, Giao thông vận tải, Kế hoạch và Đầu tư, Lao động - Thương binh và Xã hội, Giáo dục và Đào tạo, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ngoại vụ, Tư pháp, Văn hóa - Thể thao và Du lịch, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Công Thương, Ban Dân tộc, Ban Quản lý KKT Dung quất và các KCN tỉnh, Cục Thuế tỉnh.

2. Theo dõi, chỉ đạo, đôn đốc các sở, ban ngành, địa phương theo chức năng, nhiệm vụ được phân công thực hiện hoàn thành tất cả các nhiệm vụ còn lại tại Kế hoạch CCHC năm 2024 của tỉnh ban hành theo Quyết định số 1879/QĐ-UBND ngày 15/12/2023.

3. Chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ theo lộ trình thời gian về triển khai xác định các chỉ số PAR INDEX, SIPAS của tỉnh theo kế hoạch triển khai của Bộ Nội vụ; triển khai thực hiện Kế hoạch xác định Chỉ số cải cách hành chính năm 2024 của các sở, ban ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố và UBND các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; xây dựng Kế hoạch CCHC năm 2025 của tỉnh, thực hiện chế độ báo cáo định kỳ công tác CCHC theo quy định.

4. Chỉ đạo Sở Nội vụ tiếp tục thực hiện kiểm tra công tác cải cách hành chính theo kế hoạch đã ban hành; kiểm tra việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính trong hoạt động công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức nhằm đôn đốc, hướng dẫn, phát hiện và xử lý những hành vi vi phạm.

5. Tiếp tục thực hiện hiệu quả công tác kiểm soát TTHC, thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông trong giải quyết TTHC, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động, hỗ trợ người dân thực hiện TTHC để tăng tỷ lệ hồ sơ phát sinh dịch vụ công trực tuyến và thanh toán trực tuyến; nâng cao hiệu quả công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh liên quan đến những quy định hành chính.

6. Chỉ đạo tổ chức tốt chuỗi sự kiện Tuần lễ chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh và hưởng ứng ngày chuyển đổi số quốc gia; hội thi tuyên truyền CCHC và chuyển đổi số; tập huấn về chuyển đổi số trên nền tảng MOOCS của Bộ Thông tin và Truyền thông và của tỉnh; diễn tập thực chiến đảm bảo an toàn thông tin mạng.

Trên đây là kết quả thực hiện công tác CCHC quý III năm 2024 và một số nhiệm vụ trọng tâm về CCHC 3 tháng cuối năm 2024 của tỉnh Quảng Ngãi, kính báo cáo Bộ Nội vụ theo dõi, chỉ đạo./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Vụ CCHC - Bộ Nội vụ;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- VPUB: CVP, PCVP, các phòng;
- Cổng TTĐT tỉnh;
- Lưu VT, TTHC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Nguyễn Hoàng Giang

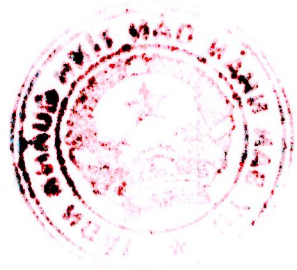

Phụ lục

THỐNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH QUÝ III NĂM 2024 CỦA TỈNH QUẢNG NGÃI

(Kèm theo Báo cáo số 202 /BC-UBND ngày 19 /9/2024 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

STT	Chỉ tiêu thống kê	Đơn vị tính	Số liệu	Ghi chú
I. Công tác chỉ đạo điều hành CCHC				
1	**Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành (Kết luận, chỉ thị, công văn chỉ đạo, quán triệt...)**	Văn bản	12	
2	**Tỷ lệ hoàn thành Kế hoạch CCHC năm (Lũy kế đến thời điểm báo cáo)**	%	74,55	
2.1	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	55	
2.2	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	41	
3	**Kiểm tra CCHC**			
3.1	Số sở, ngành đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	0	Đang tiếp tục tiến hành kiểm tra trong quý IV
3.2	Số UBND cấp huyện đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	4	
3.3	Tỷ lệ xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	%		
3.3.1	*Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra*	Vấn đề		
3.3.2	*Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong*	Vấn đề		
4	**Thanh tra việc thực hiện quy định pháp luật về tuyển dụng, quản lý, sử dụng công chức, viên chức và tổ chức bộ máy (thuộc thẩm quyền của Sở Nội vụ)**			
4.1	Số cơ quan, đơn vị được thanh tra	Cơ quan, đơn vị	4	
4.2	Tỷ lệ cơ quan, đơn vị đã hoàn thành việc thực hiện kết luận thanh tra	%	0	
5	**Thực hiện nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao**			
5.1	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ	11	10 nhiệm vụ còn trong hạn
5.2	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ	1	
5.3	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ	0	
5.4	Số nhiệm vụ quá hạn nhưng chưa hoàn thành	Nhiệm vụ	0	
6	**Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức**	Có = 1; Không = 0	1	
6.1	Số lượng phiếu khảo sát	Số lượng	8.400	
6.2	Hình thức khảo sát	Trực tuyến=0 Phát phiếu=1 Kết hợp=2	2	

7	**Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp**	Không = 0 Có = 1	0	Đang xây dựng kế hoạch, dự kiến thực hiện trong tháng 10/2024
II. Cải cách thể chế				
1	**Tổng số VBQPPL do địa phương ban hành**	Văn bản	**39**	
1.1	Số VBQPPL do cấp tỉnh ban hành	Văn bản	26	
1.2	Số VBQPPL do cấp huyện ban hành	Văn bản	9	
1.3	Số VBQPPL do cấp xã ban hành	Văn bản	4	
2	**Kiểm tra, xử lý VBQPPL**			
2.1	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền của cấp tỉnh	Văn bản	10	
2.2	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau kiểm tra	%	100	
2.2.1	*Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau kiểm tra*	Văn bản	2	số VB còn lại cần xử lý sau kỳ báo cáo 6 tháng
2.2.2	*Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong*	Văn bản	2	
3	**Rà soát VBQPPL**			
3.1	Số VBQPPL đã rà soát thuộc thẩm quyền của cấp tỉnh	Văn bản	0	
3.2	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau rà soát	%	23,25	
3.2.1	*Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau rà soát*	Văn bản	86	số VB còn lại cần xử lý sau kỳ báo cáo 6 tháng
3.2.2	*Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong*	Văn bản	20	
III. Cải cách thủ tục hành chính				
1	**Thống kê TTHC**			
1.1	Số TTHC đã được phê duyệt phương án đơn giản hóa	Thủ tục	0	
1.2	Số TTHC công bố mới	Thủ tục	168	
1.3	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục	33	
1.4	Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết tại địa phương	Thủ tục	1.923	
1.4.1	*Số TTHC cấp tỉnh (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)*	Thủ tục	1.461	
1.4.2	*Số TTHC cấp huyện (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)*	Thủ tục	319	
1.4.3	*Số TTHC cấp xã (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)*	Thủ tục	143	
2	**Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông**			
2.1	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục	271	
2.2	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	Thủ tục	116	
2.3	Số TTHC đã thực hiện tiếp nhận và giải quyết hồ sơ không phụ thuộc vào địa giới hành chính	Thủ tục	0	
3	**Kết quả giải quyết TTHC**			
3.1	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do các sở, ngành tiếp nhận được giải	%	99,40	

	quyết đúng hạn			
3.1.1	*Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong*	Hồ sơ	44.860	
3.1.2	*Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn*	Hồ sơ	44.588	
3.2	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	99,52	
3.2.1	*Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong*	Hồ sơ	8.100	
3.2.2	*Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn*	Hồ sơ	8.061	
3.3	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	99,40	
3.3.1	*Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong*	Hồ sơ	73.600	
3.3.2	*Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn*	Hồ sơ	73.170	
3.4	Tỷ lệ giải quyết phản ánh, kiến nghị (PAKN) về quy định TTHC	%	100	
3.4.1	*Tổng số PAKN đã tiếp nhận (trực tiếp hoặc do cơ quan có thẩm quyền chuyển đến)*	PAKN	78	
3.4.2	*Số PAKN đã giải quyết xong*	PAKN	78	
IV. Cải cách tổ chức bộ máy				
1	**Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy**			
1.1	Tỷ lệ sở, ngành đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%	100	
1.2	Tỷ lệ UBND cấp huyện đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%	100	13/13
1.3	Số lượng các ban quản lý trực thuộc UBND cấp tỉnh	Ban	2	
1.4	Số tổ chức liên ngành do cấp tỉnh thành lập	Tổ chức	1	
1.5	Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập (ĐVSNCL) tại địa phương	Cơ quan, đơn vị	680	Chưa tính 173 Trạm Y tế xã
1.5.1	Số ĐVSNCL thuộc UBND tỉnh	Cơ quan, đơn vị	5	
1.5.2	Số ĐVSNCL thuộc sở, ngành và tương đương	Cơ quan, đơn vị	105	
1.5.3	Số ĐVSNCL thuộc UBND cấp huyện	Cơ quan, đơn vị	570	
1.5.4	Tỷ lệ ĐVSNCL đã cắt giảm so với năm 2015	%	22,55	Số ĐVSNCL năm 2015: 878 (chưa tính 183 trạm y tế xã)
2	**Số liệu về biên chế công chức**			
2.1	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	2.100	
2.2	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	1.993	

2.3	Số hợp đồng lao động làm việc tại các cơ quan, tổ chức hành chính	Người	177	
2.4	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	12	
2.5	Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2015	%	12,79	Năm 2015 giao 2.408 (kể cả 225 biên chế chuyển qua khối đảng quản lý); Năm 2024 giao 2.100
3	**Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập**			
3.1	Tổng số người làm việc được giao	Người	21.806	Chưa kể số hưởng lương từ nguồn thu của ĐVSNCL
3.2	Tổng số người làm việc có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	21.700	
3.3	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	274	
3.4	Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2015	%	16,54	Năm 2015 giao 26.129; Năm 2024 giao 21.806
V. Cải cách chế độ công vụ				
1	**Vị trí việc làm của công chức, viên chức**			
1.1	Số cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	35	35/35 cơ quan
1.2	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	681	681/681 đv
1.3	Số cơ quan, tổ chức có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra	Cơ quan, đơn vị	0	
2	**Tuyển dụng công chức, viên chức**			
2.1	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	0	
2.2	Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người	0	
2.3	Số cán bộ, công chức cấp xã được xét chuyển thành công chức cấp huyện trở lên.	Người	05	
2.4	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển).	Người	0	
2.5	Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người	0	
3	**Số lượng lãnh đạo quản lý được tuyển chọn, bổ nhiệm thông qua thi tuyển (Lũy kế từ đầu năm)**	Người	0	
4	**Số lượng cán bộ, công chức, viên chức bị kỷ luật (cả về Đảng và chính quyền)**	Người	0	
4.1	Số lãnh đạo cấp tỉnh bị kỷ luật.	Người	0	
4.2	Số lãnh đạo cấp sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người	0	
4.3	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người	0	

4.4	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật.	Người	0	
VI. Cải cách tài chính công				
1	**Tỷ lệ thực hiện Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công**	%	31,50	
1.1	Kế hoạch được giao	Triệu đồng	6.902.869	
1.2	Đã thực hiện	Triệu đồng	2.175.832	
2	**Thực hiện tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp (ĐVSN) tại địa phương (lũy kế đến thời điểm báo cáo)**			
2.1	Tổng số ĐVSN công lập tại địa phương	Đơn vị	698	
2.2	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư	Đơn vị	10	
2.3	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	40	
2.4	Số ĐVSN tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	Đơn vị	40	
2.4.1	*Số ĐVSN tự bảo đảm từ 70% - dưới 100% chi thường xuyên*	Đơn vị	5	
2.4.2	*Số ĐVSN tự bảo đảm từ 30% - dưới 70% chi thường xuyên*	Đơn vị	14	
2.4.3	*Số ĐVSN tự bảo đảm từ 10% - dưới 30% chi thường xuyên*	Đơn vị	21	
2.5	Số ĐVSN do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	608	
2.6	Số lượng ĐVSN đã chuyển đổi thành công ty cổ phần (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Đơn vị	0	
VII. Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số				
1	**Cập nhật Kiến trúc chính quyền điện tử phiên bản mới nhất**	Chưa = 0; Hoàn thành = 1	1	
2	**Xây dựng và vận hành Hệ thống họp trực tuyến** Liên thông 2 cấp: Từ UBND tỉnh-100% UBND các huyện. Liên thông 3 cấp: Từ UBND tỉnh-100% UBND cấp huyện, cấp xã	Chưa có = 0 2 cấp = 1; 3 cấp = 2	2	
3	**Tỷ lệ báo cáo định kỳ được gửi, nhận qua Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia**	%	100	
4	**Triển khai xây dựng nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung (LGSP)**	Chưa = 0; Đang làm = 1 H. thành = 2	2	
5	**Số liệu về trao đổi văn bản điện tử**			
5.1	Thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý văn bản điều hành từ cấp tỉnh đến cấp xã			
5.1.1	*Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh*	%	100	
5.1.2	*Tỷ lệ UBND cấp huyện đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh*	%	100	
5.1.3	*Tỷ lệ UBND cấp xã đã kết nối, liên thông với UBND huyện.*	%	100	

5.2	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của địa phương (Chỉ thống kê tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử; sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử)			
5.2.1	*Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của các sở, ban, ngành cấp tỉnh*	%	99,35	
5.2.2	*Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp huyện*	%	92,32	
5.2.3	*Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp xã*	%	85,35	
5.3	Xây dựng, vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử tập trung của tỉnh			
5.3.1	*Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối liên thông với Hệ thống*	%	100	
5.3.2	*Tỷ lệ đơn vị cấp huyện đã kết nối liên thông với Hệ thống*	%	100	
5.3.3	*Tỷ lệ đơn vị cấp xã đã kết nối liên thông với Hệ thống*	%	100	
6	**Cung cấp dịch vụ công trực tuyến (DVCTT)**			
6.1	Tỷ lệ DVCTT toàn trình đủ điều kiện	%	100	
6.1.1	*Tổng số DVC đủ điều kiện lên trực tuyến toàn trình*	Thủ tục	732	
6.1.2	*Số lượng DVCTT toàn trình*	Thủ tục	732	
6.2	Tỷ lệ DVC có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến (toàn trình + một phần)	%	84,73	
6.2.1	*Tổng số DVCTT có phát sinh hồ sơ (gồm các DVCTT có phát sinh hồ sơ trực tuyến hoặc trực tiếp hoặc cả 2 hình thức)*	Thủ tục	439	
6.2.2	*Số DVCTT có phát sinh hồ sơ trực tuyến*	Thủ tục	372	
6.3	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình	%	91,15	
6.3.1	*Tổng số hồ sơ của DVCTT toàn trình (gồm hồ sơ nộp trực tuyến + trực tiếp)*	Thủ tục	45.490	
6.3.2	*Số hồ sơ nộp trực tuyến của các DVCTT toàn trình*	Thủ tục	41.463	
6.4	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến một phần	%	85,42	
6.4.1	*Tổng số hồ sơ của DVCTT một phần (gồm hồ sơ nộp trực tuyến + trực tiếp)*	Thủ tục	80.844	
6.4.2	*Số hồ sơ nộp trực tuyến của các DVCTT một phần*	Thủ tục	69.059	
6.5	Tỷ lệ TTHC được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến	%	100	
6.5.1	*Tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính (tất cả các TTHC có phát sinh phí, lệ phí, ...)*	Thủ tục	504	
6.5.2	*Số TTHC đã được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia hoặc trên Cổng DVC của tỉnh.*	Thủ tục	504	